SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG

NĂM HỌC 2024 - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ MÔN NGỮ VĂN- TRƯỚC PHÚC KHẢO

(XẾP THEO THỨ TỰ ĐIỂM XÉT TUYỂN TỪ CAO ĐẾN THẤP)

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Điểm TBM lớp 9	Điểm môn không chuyên				Nguyện vọng 1			Nguyện vọng 2			Xét tổng	Ghi chú/Giải tỉnh
										Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	Tổng	Môn	Điểm thi	Tổng	Môn	Điểm thi	Tổng		
1	V D 1006	Trần Diễm	Quỳnh	04/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	9.4	9.00	8.75	8.30	26.05	Ngữ văn	8.750		Địa lí	6.500		**43.550**	
2	A V 0564	Trần Khánh	Linh	12/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.1	8.75	8.50	8.70	25.95	Tiếng Anh	4.700		Ngữ văn	8.500		**42.950**	KK Ngữ văn
3	V K 0030	Huỳnh Hoàng	Anh	12/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	9.6	9.00	8.50	8.20	25.70	Ngữ văn	8.500					**42.700**	Ba Ngữ văn
4	V K 0314	Lưu Trịnh Gia	Hân	14/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	9.2	8.75	8.50	7.20	24.45	Ngữ văn	9.000					**42.450**	KK Ngữ văn
5	V C 0961	Hà Ngọc Uyên	Phương	08/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.9	9.25	8.75	6.90	24.90	Ngữ văn	8.750		Tin học	4.250		**42.400**	
6	V K 0224	Lê Thị Thanh	Đào	26/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Lợi, Pleiku	9.4	8.75	8.00	8.10	24.85	Ngữ văn	8.750					**42.350**	
7	V A 0097	Đặng Hoàng Hải	Âu	18/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	9.7	8.50	7.75	9.20	25.45	Ngữ văn	8.000		Tiếng Anh	4.500		**41.450**	
8	V B 0459	Đỗ Bảo	Khánh	06/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	9.2	9.00	8.50	7.20	24.70	Ngữ văn	8.250		Lịch sử	5.750		**41.200**	KK Lịch sử
9	A V 0029	Nguyễn Hồ Hoàng	Anh	09/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.9	8.25	8.50	8.40	25.15	Tiếng Anh	4.700		Ngữ văn	8.000		**41.150**	
10	A V 0624	Đặng Tiểu	Mẫn	14/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	9.4	8.75	8.25	7.50	24.50	Tiếng Anh	2.700		Ngữ văn	8.080		**40.660**	
11	A V 0816	Phạm Ngọc Thảo	Nguyên	27/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	9.1	8.00	8.75	7.90	24.65	Tiếng Anh	4.200		Ngữ văn	8.000		**40.650**	
12	V K 0387	Hồ Đắc	Huy	11/07/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	9.4	8.50	8.50	7.40	24.40	Ngữ văn	8.000					**40.400**	Ba Ngữ văn
13	V A 0173	Nguyễn Phạm Ngọc	Diệp	24/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.8	8.75	7.75	7.90	24.40	Ngữ văn	8.000		Tiếng Anh	3.800		**40.400**	Ba Ngữ văn
14	A V 0517	Nguyễn Lê Thiên	Kim	11/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	9.3	7.25	8.00	9.10	24.35	Tiếng Anh	4.500		Ngữ văn	8.000		**40.350**	
15	V D 0613	Dương Trần Khánh	Ly	10/10/2009	Nữ	Kinh	Kon Tum	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	9.3	8.50	7.75	7.80	24.05	Ngữ văn	8.000		Địa lí	5.250		**40.050**	
16	A V 0712	Trần Kim	Ngân	22/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.8	8.25	7.25	9.10	24.60	Tiếng Anh	4.100		Ngữ văn	7.500		**39.600**	
17	V A 0138	Lê Minh	Châu	20/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.7	8.25	5.50	8.30	22.05	Ngữ văn	8.750		Tiếng Anh	2.900		**39.550**	Nhất Ngữ văn
18	V C 0534	Nguyễn Thùy	Lâm	14/07/2009	Nữ	Kinh	Quảng Trị	Trần Hưng Đạo, IaGrai	9.4	9.00	8.25	6.20	23.45	Ngữ văn	8.000		Tin học	7.000		**39.450**	Ba Ngữ văn
19	A V 0617	Nguyễn Châu	Mai	23/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	9.0	8.50	8.00	7.80	24.30	Tiếng Anh	2.800		Ngữ văn	7.500		**39.300**	
20	V K 1203	Ngô Nguyễn Bảo	Trân	15/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	9.5	8.75	8.25	6.70	23.70	Ngữ văn	7.750					**39.200**	Nhì Ngữ văn
21	A V 1166	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	11/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.6	7.75	8.75	9.20	25.70	Tiếng Anh	4.400		Ngữ văn	6.750		**39.200**	
22	V H 0721	Hoàng Trần Thảo	Ngân	25/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.9	7.50	8.50	7.60	23.60	Ngữ văn	7.750		Hóa học	1.500		**39.100**	
23	A V 0152	Phạm Thảo	Chi	14/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	9.4	7.50	8.25	9.30	25.05	Tiếng Anh	4.500		Ngữ văn	7.000		**39.050**	
24	V D 1114	Phạm Gia An	Thư	29/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.9	8.25	7.00	6.60	21.85	Ngữ văn	8.500		Địa lí	3.500		**38.850**	
25	A V 0819	Vũ Thị Thảo	Nguyên	06/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Ia Grai	9.4	8.75	8.50	8.60	25.85	Tiếng Anh	4.200		Ngữ văn	6.500		**38.850**	
26	A V 0802	Trần Phạm Khánh	Nguyên	27/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	9.2	8.50	7.75	7.60	23.85	Tiếng Anh	3.400		Ngữ văn	7.500		**38.850**	
27	A V 1268	Lê Đặng Mai	Uyên	29/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Đề Thám, An Khê	8.7	7.25	8.75	8.20	24.20	Tiếng Anh	5.200		Ngữ văn	7.250		**38.700**	
28	A V 1263	Đào Lê Gia	Uyên	15/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.1	8.75	8.75	7.20	24.70	Tiếng Anh	2.900		Ngữ văn	7.000		**38.700**	
29	V K 1286	Võ Ngọc Thanh	Vân	29/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.0	8.25	7.00	6.30	21.55	Ngữ văn	8.500					**38.550**	
30	V A 1265	Bùi Khánh	Uyên	04/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	9.3	7.75	8.50	6.80	23.05	Ngữ văn	7.750		Tiếng Anh	2.000		**38.550**	

31	A V 0948	Phùng Bích	Phương	29/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.1	8.75	8.75	8.00	25.50	Tiếng Anh	3.500		Ngữ văn	6.500		**38.500**	
32	H V 0436	Trần Đình	Khang	17/05/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.5	8.50	7.00	6.40	21.90	Hóa học	1.375		Ngữ văn	8.250		**38.400**	
33	V A 0891	Nguyễn Trần Thục	Nhiên	18/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	9.4	7.50	5.50	7.80	20.80	Ngữ văn	8.750		Tiếng Anh	2.700		**38.300**	Ba Ngữ văn
34	V A 1280	Dương Thúy	Uyên	15/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.0	8.00	7.00	8.20	23.20	Ngữ văn	7.500		Tiếng Anh	4.400		**38.200**	
35	V B 1319	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	09/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.8	8.75	8.50	5.60	22.85	Ngữ văn	7.670		Lịch sử	3.250		**38.190**	
36	V D 1304	Bùi Nguyễn Diệu	Vy	28/11/2009	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Trần Phú, Pleiku	9.3	8.00	6.75	9.00	23.75	Ngữ văn	7.170		Địa lí	6.750		**38.090**	
37	V C 0668	Trần Lê Thảo	My	14/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	9.1	8.25	6.50	6.70	21.45	Ngữ văn	8.250		Tin học	6.750		**37.950**	
38	A V 0768	Lê Thị Bảo	Ngọc	21/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Chư Pưh	9.3	8.00	7.25	8.70	23.95	Tiếng Anh	4.600		Ngữ văn	7.000		**37.950**	KK Tiếng Anh
39	A V 0996	Đặng Hồng Hạnh	Quyên	31/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	9.1	7.75	7.50	8.60	23.85	Tiếng Anh	4.100		Ngữ văn	7.000		**37.850**	
40	V A 1066	Bùi Phương	Thảo	30/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.1	7.25	8.25	8.30	23.80	Ngữ văn	7.000		Tiếng Anh	4.300		**37.800**	
41	A V 0019	Nguyễn Bảo	Anh	19/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.2	7.50	8.25	7.00	22.75	Tiếng Anh	3.600		Ngữ văn	7.500		**37.750**	
42	V K 0719	Võ Thanh	Ngân	02/01/2009	Nữ	Kinh	Cần Thơ	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	9.4	8.00	8.00	6.70	22.70	Ngữ văn	7.500					**37.700**	
43	V K 0857	Cao Nguyễn Linh	Nhi	13/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.3	8.50	7.50	5.60	21.60	Ngữ văn	8.000					**37.600**	
44	A V 0013	Huỳnh Nguyễn Mỹ	An	15/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.6	9.00	5.00	8.60	22.60	Tiếng Anh	3.900		Ngữ văn	7.500		**37.600**	
45	A V 1014	Nguyễn Thúy	Quỳnh	21/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.9	8.50	7.00	8.10	23.60	Tiếng Anh	3.800		Ngữ văn	7.000		**37.600**	
46	A V 0139	Nguyễn Minh	Châu	05/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	9.4	8.00	8.50	7.40	23.90	Tiếng Anh	3.300		Ngữ văn	6.750		**37.400**	
47	A V 0866	Chu Quỳnh	Nhi	16/01/2009	Nữ	Nùng	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.7	8.75	3.50	8.10	20.35	Tiếng Anh	4.000		Ngữ văn	8.500		**37.350**	
48	V A 0752	Nguyễn Hà Bảo	Ngọc	27/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.1	8.25	7.50	6.60	22.35	Ngữ văn	7.500		Tiếng Anh	3.200		**37.350**	
49	H V 0561	Trần Thảo Khánh	Linh	07/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	9.1	7.75	7.75	8.20	23.70	Hóa học	2.750		Ngữ văn	6.750		**37.200**	
50	V K 0756	Trần Huỳnh Bảo	Ngọc	02/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	9.0	8.00	6.75	6.20	20.95	Ngữ văn	8.000					**36.950**	
51	V A 1283	Lê Nguyễn Cẩm	Vân	04/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.5	8.25	5.25	7.40	20.90	Ngữ văn	8.000		Tiếng Anh	3.500		**36.900**	
52	A V 0955	Trần Mai	Phương	23/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	8.5	8.50	6.50	7.90	22.90	Tiếng Anh	4.600		Ngữ văn	7.000		**36.900**	
53	V D 0567	Nguyễn Trương Khánh	Linh	04/02/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Ngô Gia Tự, Pleiku	9.4	8.00	7.00	7.80	22.80	Ngữ văn	7.000		Địa lí	5.750		**36.800**	Nhì Địa lí
54	V A 0291	Lê Bảo	Hân	03/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.6	8.50	8.00	7.80	24.30	Ngữ văn	6.250		Tiếng Anh	3.400		**36.800**	
55	V K 0576	Bùi Ngọc Phương	Linh	17/07/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.7	7.50	8.50	7.60	23.60	Ngữ văn	6.500					**36.600**	
56	V K 1155	Nguyễn Võ Anh	Thy	15/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Chư Pưh	8.7	8.75	5.50	6.30	20.55	Ngữ văn	8.000					**36.550**	KK Ngữ văn
57	A V 0915	Trần Vũ Tuệ	Như	26/02/2009	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Trần Phú, Pleiku	9.1	8.75	6.50	7.30	22.55	Tiếng Anh	2.700		Ngữ văn	7.000		**36.550**	
58	V D 0757	Đoàn Lê Bảo	Ngọc	23/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Thị trấn Phú Hòa, Chư Păh	9.5	8.50	7.50	5.50	21.50	Ngữ văn	7.500		Địa lí	3.500		**36.500**	Ba Ngữ văn
59	V C 1063	Đoàn Diệu	Thảo	24/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	9.0	7.75	6.50	4.70	18.95	Ngữ văn	8.750		Tin học	4.000		**36.450**	
60	V B 0410	Bùi Thị Khánh	Huyền	20/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	8.9	8.83	6.00	3.10	17.93	Ngữ văn	9.250		Lịch sử	0.500		**36.430**	Ba Ngữ văn
61	V B 1016	Trần Võ Trúc	Quỳnh	20/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.6	8.50	6.00	5.30	19.80	Ngữ văn	8.250		Lịch sử	3.500		**36.300**	
62	A V 0294	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	02/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.3	9.00	6.00	7.60	22.60	Tiếng Anh	4.500		Ngữ văn	6.750		**36.100**	
63	V H 0912	Phạm Hoàng Tâm	Như	06/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.0	7.75	8.25	4.50	20.50	Ngữ văn	7.750		Hóa học	2.125		**36.000**	
64	V K 0149	Lê Quỳnh	Chi	15/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.2	8.75	6.08	3.60	18.43	Ngữ văn	8.750					**35.930**	
65	V S 0163	Lương Nguyễn Ái	Dân	01/03/2009	Nữ	Kinh	Bình Dương	Trưng Vương, Pleiku	9.1	7.25	7.25	6.70	21.20	Ngữ văn	7.330		Sinh học	2.125		**35.860**	
66	V A 0057	Đoàn Phương	Anh	02/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.2	8.00	8.25	5.60	21.85	Ngữ văn	7.000		Tiếng Anh	2.400		**35.850**	
67	A V 1188	Trần Đặng Bảo	Trâm	31/07/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	9.1	8.00	6.50	9.30	23.80	Tiếng Anh	5.100		Ngữ văn	6.000		**35.800**	
68	V C 0959	Võ Phan Thảo	Phương	15/11/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Trưng Vương, Pleiku	8.2	9.25	6.00	5.00	20.25	Ngữ văn	7.750		Tin học	2.250		**35.750**	
69	A V 0611	Lê Nguyễn Hải	Ly	19/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.7	8.00	7.75	6.00	21.75	Tiếng Anh	2.900		Ngữ văn	7.000		**35.750**	
70	V K 0880	Phạm Hoàng Ý	Nhi	15/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	9.3	7.25	7.75	7.10	22.10	Ngữ văn	6.750					**35.600**	
71	V K 1001	Đỗ Nguyễn	Quyên	29/01/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	8.8	7.00	8.00	6.50	21.50	Ngữ văn	7.000					**35.500**	

72	V	G 0010	Trịnh Hoài	An	17/6/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	8.7	8.16	6.00	5.80	19.96	Ngữ văn	7.750		Tin học	2.500		**35.460**	
73	V	K 1271	Nguyễn Nhã	Uyên	03/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.4	7.75	5.50	6.70	19.95	Ngữ văn	7.750					**35.450**	
74	V	K 1308	Phạm Huỳnh Khánh	Vy	21/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	9.0	8.00	7.50	5.90	21.40	Ngữ văn	7.000					**35.400**	
75	V	K 0263	Phạm Hương	Giang	02/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.6	7.75	8.25	6.90	22.90	Ngữ văn	6.250					**35.400**	
76	A	V 0754	Hồ Bảo	Ngọc	18/03/2009	Nữ	Giẻ Triêng	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.2	8.50	6.00	6.40	20.90	Tiếng Anh	2.100		Ngữ văn	7.250		**35.400**	
77	V	C 1262	Ksor Huỳnh Bảo	Uyên	18/11/2009	Nữ	Jrai	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	9.3	8.00	7.75	6.40	22.15	Ngữ văn	6.500		Tin học	2.250		**35.150**	
78	A	V 0521	Nguyễn Danh Gia	Lạc	27/05/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	8.7	7.25	7.75	7.10	22.10	Tiếng Anh	3.800		Ngữ văn	6.500		**35.100**	
79	A	V 0848	Nguyễn Thị Bích	Nhi	06/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.7	7.75	4.50	8.20	20.45	Tiếng Anh	4.800		Ngữ văn	7.250		**34.950**	
80	H	V 0324	Nguyễn Vương Ngọc	Hân	01/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	9.1	8.25	8.00	6.20	22.45	Hóa học	3.750		Ngữ văn	6.250		**34.950**	
81	V	B 1244	Hoàng Lê Khả	Tú	06/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.5	8.50	6.00	4.40	18.90	Ngữ văn	8.000		Lịch sử	3.750		**34.900**	
82	A	V 0876	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	28/12/2008	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.9	7.00	7.50	7.40	21.90	Tiếng Anh	3.000		Ngữ văn	6.500		**34.900**	
83	V	A 0716	Trần Phương	Ngân	26/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.9	7.25	6.00	7.30	20.55	Ngữ văn	7.170		Tiếng Anh	4.000		**34.890**	
84	H	V 0462	Nguyễn Trần Gia	Khánh	29/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.8	8.25	6.25	4.70	19.20	Hóa học	3.125		Ngữ văn	7.750		**34.700**	
85	A	V 0614	Hồ Đinh Phương	Ly	23/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.9	7.25	7.75	8.60	23.60	Tiếng Anh	5.000		Ngữ văn	5.500		**34.600**	
86	A	V 0951	Nguyễn Lê Lan	Phương	13/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.2	8.50	6.00	7.60	22.10	Tiếng Anh	3.100		Ngữ văn	6.250		**34.600**	
87	V	A 0058	Hà Phương	Anh	14/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.9	8.00	5.25	5.80	19.05	Ngữ văn	7.750		Tiếng Anh	2.100		**34.550**	
88	V	K 0095	Võ Lê Hồng	Ân	13/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.0	7.50	7.25	5.70	20.45	Ngữ văn	7.000					**34.450**	
89	V	B 0667	Trần Vũ Quỳnh	My	22/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.7	7.25	5.25	4.40	16.90	Ngữ văn	8.750		Lịch sử	3.750		**34.400**	
90	A	V 0908	Ngô Phan Quỳnh	Như	25/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.8	7.75	6.25	6.90	20.90	Tiếng Anh	2.900		Ngữ văn	6.750		**34.400**	
91	A	V 0806	Trịnh Khôi	Nguyên	04/08/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	9.3	7.50	7.00	8.80	23.30	Tiếng Anh	5.200		Ngữ văn	5.500		**34.300**	
92	V	K 1140	Võ Thị Kim	Thư	05/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Mang Yang	9.1	7.75	8.75	4.70	21.20	Ngữ văn	6.500					**34.200**	
93	V	K 1026	Đặng Phạm Thu	Sương	26/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	9.0	7.00	8.25	4.40	19.65	Ngữ văn	7.250					**34.150**	
94	V	A 0771	Nguyễn Vũ Bích	Ngọc	18/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Linh, Đăk Đoa	8.6	7.50	6.25	8.40	22.15	Ngữ văn	6.000		Tiếng Anh	4.900		**34.150**	
95	A	V 0733	Lê Mẫn	Nghi	28/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.1	7.75	7.50	7.30	22.55	Tiếng Anh	3.900		Ngữ văn	5.750		**34.050**	
96	V	K 0772	Trương Gia	Ngọc	29/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.9	7.25	8.75	6.00	22.00	Ngữ văn	6.000					**34.000**	
97	A	V 0533	Đỗ Võ Thọ	Lâm	09/08/2009	Nữ	Mường	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	8.4	6.75	8.50	8.10	23.35	Tiếng Anh	3.900		Ngữ văn	5.250		**33.850**	
98	V	K 0599	Nguyễn Nhật	Long	16/04/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	7.9	8.50	7.25	3.50	19.25	Ngữ văn	7.250					**33.750**	
99	V	A 1197	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	25/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	UKA Gia Lai	9.3	8.00	7.75	4.90	20.65	Ngữ văn	6.500		Tiếng Anh	2.400		**33.650**	
100	V	K 1222	Đỗ Hoàng	Trúc	02/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.1	8.50	7.00	3.00	18.50	Ngữ văn	7.500					**33.500**	
101	V	L 0713	Trương Kim	Ngân	12/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.8	8.00	7.50	5.00	20.50	Ngữ văn	6.500		Vật lí	1.875		**33.500**	
102	A	V 0847	Trần Ngọc Bảo	Nhi	04/07/2009	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Du, Pleiku	8.3	8.00	2.50	7.90	18.40	Tiếng Anh	3.300		Ngữ văn	7.500		**33.400**	
103	V	K 0002	Đinh Bảo	An	28/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.4	8.75	5.50	4.60	18.85	Ngữ văn	7.250					**33.350**	
104	V	A 1118	Nguyễn Đỗ Anh	Thư	14/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bỉnh Khiêm, KBang	8.8	8.25	3.25	5.30	16.80	Ngữ văn	8.250		Tiếng Anh	2.400		**33.300**	
105	A	V 0893	Mai Anh Kiều	Nhung	08/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	8.3	8.00	5.25	7.00	20.25	Tiếng Anh	2.500		Ngữ văn	6.500		**33.250**	
106	V	K 0276	Nguyễn Thanh Nhật	Hạ	11/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.9	8.75	3.75	4.70	17.20	Ngữ văn	8.000					**33.200**	
107	V	K 0137	Lê Kiều Minh	Châu	01/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.9	7.50	4.75	5.40	17.65	Ngữ văn	7.750					**33.150**	
108	V	B 0672	Huỳnh Hồ Trà	My	15/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.6	7.50	7.75	3.40	18.65	Ngữ văn	7.250		Lịch sử	3.000		**33.150**	Nhì Ngữ văn
109	A	V 1110	Nguyễn Phương	Thúy	01/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.3	7.25	6.50	8.40	22.15	Tiếng Anh	3.600		Ngữ văn	5.500		**33.150**	
110	V	C 0573	Đặng Nguyễn Ngọc	Linh	14/10/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Chư Pưh	8.6	8.00	6.75	5.30	20.05	Ngữ văn	6.500		Tin học	3.750		**33.050**	
111	V	C 0871	Trần Thị Tâm	Nhi	02/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.8	8.50	6.00	3.50	18.00	Ngữ văn	7.500		Tin học	2.250		**33.000**	
112	H	V 0140	Phan Nguyễn Minh	Châu	04/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	9.1	8.50	5.75	5.10	19.35	Hóa học	1.750		Ngữ văn	6.750		**32.850**	

113	S	V 0174	Phan Mỹ	Dung	07/10/2008	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	9.4	8.25	6.75	3.80	18.80	Sinh học	2.750		Ngữ văn	7.000		**32.800**	
114	H	V 1185	Mai Lê Thùy	Trang	18/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	8.5	8.50	4.75	5.40	18.65	Hóa học	3.375		Ngữ văn	7.000		**32.650**	
115	A	V 0691	Trịnh Hoài	Nam	03/05/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.0	6.25	6.75	8.10	21.10	Tiếng Anh	3.500		Ngữ văn	5.750		**32.600**	
116	A	V 0220	Lê Vũ Linh	Đan	03/08/2009	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.8	7.50	6.25	8.80	22.55	Tiếng Anh	4.800		Ngữ văn	5.000		**32.550**	
117	V	K 0311	Phan Gia	Hân	08/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.8	7.75	8.75	4.60	21.10	Ngữ văn	5.670					**32.440**	
118	A	V 0305	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	10/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nghĩa Hưng, Chư Păh	8.8	7.25	5.25	5.90	18.40	Tiếng Anh	3.400		Ngữ văn	7.000		**32.400**	
119	V	K 1107	Đào Trần Thanh	Thủy	06/05/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Ialy, Chư Păh	9.0	7.50	3.75	7.80	19.05	Ngữ văn	6.670					**32.390**	
120	V	K 1119	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	11/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.5	7.75	5.75	5.80	19.30	Ngữ văn	6.500					**32.300**	
121	V	K 1137	Võ Anh	Thư	06/11/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	8.9	7.75	5.25	6.30	19.30	Ngữ văn	6.500					**32.300**	
122	V	B 1073	Hà Thị Phương	Thảo	22/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.6	8.00	7.75	5.50	21.25	Ngữ văn	5.500		Lịch sử	2.500		**32.250**	
123	V	S 1133	Phạm Thái Anh	Thư	18/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.7	8.00	5.00	4.60	17.60	Ngữ văn	7.250		Sinh học	0.625		**32.100**	
124	V	K 0170	Trần Nguyễn Hồng	Diệp	15/10/2009	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Du, Pleiku	9.4	8.50	5.50	4.60	18.60	Ngữ văn	6.750					**32.100**	
125	V	K 0918	Dương Yến	Oanh	09/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.7	8.00	4.75	4.80	17.55	Ngữ văn	7.250					**32.050**	
126	A	V 1224	Phan Nhật	Trúc	03/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.4	7.75	8.50	8.80	25.05	Tiếng Anh	4.800		Ngữ văn	3.500		**32.050**	
127	L	V 1278	Nguyễn Thị Thu	Uyên	03/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	8.7	8.00	4.50	6.00	18.50	Vật lí	5.375		Ngữ văn	6.750		**32.000**	
128	A	V 0608	Dương Hữu Duy	Lợi	23/04/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	9.1	7.00	5.75	6.70	19.45	Tiếng Anh	2.600		Ngữ văn	6.250		**31.950**	
129	V	K 0223	Nguyễn Tuyết	Đan	01/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.8	6.75	7.75	5.90	20.40	Ngữ văn	5.750					**31.900**	
130	V	D 0737	Nguyễn Phương	Nghi	12/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.7	8.00	8.00	3.80	19.80	Ngữ văn	6.000		Địa lí	0.000		**31.800**	
131	H	V 1183	Đỗ Quỳnh	Trang	25/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.9	8.25	7.00	4.50	19.75	Hóa học	3.125		Ngữ văn	6.000		**31.750**	
132	V	C 0068	Nguyễn Quỳnh	Anh	07/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phúc Thành, Yên Thành	8.1	7.00	8.50	2.20	17.70	Ngữ văn	7.000		Tin học	5.500		**31.700**	
133	H	V 1288	Trần Yến Tường	Vi	16/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu, IaGrai	8.9	7.75	6.25	4.20	18.20	Hóa học	2.250		Ngữ văn	6.750		**31.700**	
134	V	K 0520	Nguyễn Cao Nhã	Kỳ	12/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	9.1	7.50	6.25	3.90	17.65	Ngữ văn	7.000					**31.650**	
135	A	V 0775	Nguyễn Đặng Khánh	Ngọc	26/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.5	7.50	8.25	5.90	21.65	Tiếng Anh	1.800		Ngữ văn	5.000		**31.650**	
136	V	K 1275	Phan Bảo Quỳnh	Uyên	31/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.7	8.25	2.50	4.80	15.55	Ngữ văn	8.000					**31.550**	
137	A	V 0896	Đào Gia	Như	23/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	IaLy, Chư Păh	9.1	6.50	3.75	8.30	18.55	Tiếng Anh	2.600		Ngữ văn	6.500		**31.550**	
138	V	A 0604	Đinh Phát	Lộc	06/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	7.8	8.50	3.00	3.50	15.00	Ngữ văn	8.250		Tiếng Anh	1.600		**31.500**	
139	V	K 1106	Phan Thị Thanh	Thủy	30/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.4	8.25	4.75	3.00	16.00	Ngữ văn	7.750					**31.500**	
140	V	C 0589	Tô Mai	Loan	08/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Trãi, Chư Prông	8.9	7.00	8.75	5.70	21.45	Ngữ văn	5.000		Tin học	2.750		**31.450**	
141	V	K 0568	Hà Kiều	Linh	12/02/2009	Nữ	Tày	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	8.3	8.25	4.75	5.40	18.40	Ngữ văn	6.500					**31.400**	
142	V	B 0682	Nguyễn Ngọc Mỹ	Na	04/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.9	7.75	2.00	5.50	15.25	Ngữ văn	8.000		Lịch sử	4.250		**31.250**	
143	V	C 0556	Lê Khánh	Linh	12/05/2009	Nữ	Kinh	Đăk Lăk	Nguyễn Du, Pleiku	8.3	7.00	6.75	6.00	19.75	Ngữ văn	5.750		Tin học	4.000		**31.250**	
144	B	V 0643	Nguyễn Ngọc	Minh	13/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	8.6	7.75	6.00	4.00	17.75	Lịch sử	4.250		Ngữ văn	6.750		**31.250**	
145	H	V 0683	Hoàng Lê Vi	Na	14/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	9.0	7.75	3.50	4.00	15.25	Hóa học	1.125		Ngữ văn	8.000		**31.250**	
146	H	V 1182	Vũ Thị Minh	Trang	02/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	9.0	7.25	8.25	5.60	21.10	Hóa học	2.750		Ngữ văn	5.000		**31.100**	
147	L	V 0104	Nguyễn Hà Gia	Bảo	08/10/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	9.2	7.00	5.50	4.10	16.60	Vật lí	1.250		Ngữ văn	7.250		**31.100**	
148	A	V 0525	Võ Huỳnh Vi	Lam	18/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.7	8.25	2.50	5.70	16.45	Tiếng Anh	3.500		Ngữ văn	7.250		**30.950**	
149	V	A 0883	Hồ Nguyễn Yến	Nhi	26/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	8.5	7.25	6.50	3.50	17.25	Ngữ văn	6.750		Tiếng Anh	1.700		**30.750**	
150	V	C 0560	Hoàng Nguyễn Khánh	Linh	04/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	8.5	7.50	6.50	3.20	17.20	Ngữ văn	6.750		Tin học	1.500		**30.700**	
151	V	K 1070	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	09/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	9.0	8.00	5.75	4.40	18.15	Ngữ văn	6.250					**30.650**	
152	H	V 0993	Nguyễn Trương Phương	Quỳ	07/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.6	7.25	6.25	6.10	19.60	Hóa học	1.375		Ngữ văn	5.500		**30.600**	
153	V	D 0090	Nguyễn Hoàng	Ánh	26/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.1	7.00	4.75	4.20	15.95	Ngữ văn	7.250		Địa lí	5.750		**30.450**	

154	A	V 0860	Thân Lê Ngọc	Nhi	18/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	8.4	7.50	6.75	7.70	21.95	Tiếng Anh	3.000		Ngữ văn	4.250		**30.450**	
155	S	V 0012	Phan Đắc Khánh	An	12/01/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.3	8.25	6.75	2.90	17.90	Sinh học	3.125		Ngữ văn	6.250		**30.400**	
156	V	D 0642	Phan Lê Minh	Minh	29/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.3	6.75	4.50	6.60	17.85	Ngữ văn	6.250		Địa lí	1.000		**30.350**	
157	S	V 0523	Nguyễn Quỳnh	Lam	18/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.6	8.00	4.75	5.60	18.35	Sinh học	3.500		Ngữ văn	6.000		**30.350**	
158	V	K 0864	Phạm Phương	Nhi	18/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.3	8.50	5.50	1.70	15.70	Ngữ văn	7.250					**30.200**	
159	V	K 1231	Nguyễn Chí	Trung	20/10/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	9.1	7.75	6.25	6.10	20.10	Ngữ văn	5.000					**30.100**	
160	A	V 0911	Nguyễn Trần Quỳnh	Như	16/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	9.0	8.00	2.50	6.10	16.60	Tiếng Anh	2.500		Ngữ văn	6.750		**30.100**	
161	V	H 1135	Nguyễn Thị Anh	Thư	05/01/2009	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	9.2	7.50	5.75	3.80	17.05	Ngữ văn	6.500		Hóa học	1.125		**30.050**	
162	V	K 0502	Nguyễn Gia	Kiên	24/07/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.4	7.50	4.00	4.50	16.00	Ngữ văn	7.000					**30.000**	
163	H	V 1111	Lê Thị Thanh	Thúy	20/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.8	7.75	5.00	3.50	16.25	Hóa học	2.000		Ngữ văn	6.830		**29.910**	
164	V	D 0943	Đặng Nguyễn Tuệ	Phúc	02/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.2	8.25	2.50	4.60	15.35	Ngữ văn	7.250		Địa lí	6.500		**29.850**	
165	V	K 0673	Nguyễn Lê Trà	My	15/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.6	7.50	3.25	5.10	15.85	Ngữ văn	7.000					**29.850**	
166	A	V 0734	Trần Trịnh Mỹ	Nghi	20/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Lợi, Đăk Đoa	8.6	6.75	4.00	7.60	18.35	Tiếng Anh	4.400		Ngữ văn	5.750		**29.850**	
167	V	K 0416	Trần Thị	Huyền	07/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	8.2	8.25	1.25	4.30	13.80	Ngữ văn	8.000					**29.800**	
168	V	H 1113	Nguyễn Thị Ái	Thư	17/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.4	7.50	5.00	5.10	17.60	Ngữ văn	6.080		Hóa học	1.875		**29.760**	
169	V	K 0301	Huỳnh Đỗ Gia	Hân	09/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám, Pleiku	8.8	7.50	6.25	3.50	17.25	Ngữ văn	6.250					**29.750**	
170	V	K 1316	Nguyễn Ngô Thảo	Vy	16/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.3	7.83	4.50	4.40	16.73	Ngữ văn	6.500					**29.730**	
171	H	V 0203	Nguyễn Lê Chiêu	Dương	28/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	9.0	7.50	5.00	4.20	16.70	Hóa học	5.000		Ngữ văn	6.500		**29.700**	
172	V	K 0884	Phạm Yến	Nhi	18/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.4	7.75	3.75	2.10	13.60	Ngữ văn	8.000					**29.600**	
173	A	V 0870	Trịnh Quỳnh	Nhi	12/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Duẩn, Chư Sê	9.0	8.00	4.75	6.80	19.55	Tiếng Anh	2.400		Ngữ văn	5.000		**29.550**	
174	A	V 0064	Trương Đỗ Quỳnh	Anh	08/07/2009	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Du, Pleiku	8.9	7.00	3.00	8.50	18.50	Tiếng Anh	4.300		Ngữ văn	5.500		**29.500**	
175	V	K 0304	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	18/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.6	7.00	4.50	4.20	15.70	Ngữ văn	6.830					**29.360**	
176	A	V 0527	Đinh Thị Kim	Lan	12/01/2009	Nữ	Kinh	Nam Định	Quang Trung, Chư Prông	9.0	7.75	5.25	3.80	16.80	Tiếng Anh	1.700		Ngữ văn	6.250		**29.300**	
177	S	V 0657	Trần Nguyễn Tuệ	Minh	24/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.4	7.50	6.50	4.80	18.80	Sinh học	1.500		Ngữ văn	5.250		**29.300**	
178	V	A 0739	Lê Nguyễn Triệu	Nghi	18/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	8.8	7.75	4.75	4.70	17.20	Ngữ văn	6.000		Tiếng Anh	2.400		**29.200**	
179	V	K 1230	Huỳnh Trần Xuân	Trúc	07/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	9.2	7.00	5.75	4.40	17.15	Ngữ văn	6.000					**29.150**	
180	A	V 1260	Trịnh Chí	Tường	16/01/2009	Nam	Hoa	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	9.0	7.25	7.00	9.40	23.65	Tiếng Anh	5.400		Ngữ văn	2.750		**29.150**	
181	H	V 0028	Dương Hoài	Anh	17/09/2009	Nữ	Kinh	Bắc Ninh	Bùi Thị Xuân, Pleiku	9.0	6.75	4.50	2.80	14.05	Hóa học	1.875		Ngữ văn	7.500		**29.050**	
182	H	V 1190	Hồ Ngọc Bảo	Trâm	28/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	9.0	7.75	7.25	2.40	17.40	Hóa học	2.000		Ngữ văn	5.670		**28.740**	
183	V	S 1186	Hồ Lê Yến	Trang	01/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.7	6.75	5.75	7.20	19.70	Ngữ văn	4.500		Sinh học	0.375		**28.700**	
184	A	V 0285	Nguyễn Thanh	Hằng	06/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phú Hòa, Chư Păh	9.0	6.50	3.50	8.20	18.20	Tiếng Anh	4.100		Ngữ văn	5.250		**28.700**	
185	V	K 0760	Ngô Bảo	Ngọc	26/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám, Pleiku	8.4	8.00	3.25	4.10	15.35	Ngữ văn	6.670					**28.690**	
186	V	K 1020	Ngô Thiên	Sáo	08/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.0	8.25	5.25	3.60	17.10	Ngữ văn	5.750					**28.600**	
187	V	K 1050	Nguyễn Thị Phương	Thanh	11/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.4	8.25	4.00	3.30	15.55	Ngữ văn	6.500					**28.550**	
188	V	A 0409	Phan Ksor Khánh	Huyền	27/04/2009	Nữ	Jrai	Gia Lai	Dân tộc nội trú, Ayunpa	8.4	6.75	4.25	1.00	12.00	Ngữ văn	8.250		Tiếng Anh	1.800		**28.500**	
189	V	K 0814	Lê Thảo	Nguyên	21/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.5	8.25	4.75	4.00	17.00	Ngữ văn	5.750					**28.500**	
190	A	V 0120	Nguyễn Đoàn Khánh	Băng	28/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Chí Thanh, Chư Prông	8.6	6.50	4.25	5.70	16.45	Tiếng Anh	2.500		Ngữ văn	6.000		**28.450**	
191	A	V 1162	Nguyễn Hoài Nhã	Thy	21/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.5	7.75	3.50	4.70	15.95	Tiếng Anh	2.200		Ngữ văn	6.250		**28.450**	
192	V	K 0031	Lê Hoàng	Anh	12/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.8	7.75	3.75	4.40	15.90	Ngữ văn	6.250					**28.400**	
193	V	K 0817	Phan Nguyễn Thảo	Nguyên	07/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	8.7	7.91	3.25	5.00	16.16	Ngữ văn	6.000					**28.160**	
194	V	B 1226	Lương Thanh	Trúc	16/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.2	8.00	1.00	3.10	12.10	Ngữ văn	8.000		Lịch sử	0.000		**28.100**	

195	V A 0147	Trần Đoàn Quỳnh	Chi	03/09/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Trưng Vương, Pleiku	8.2	7.50	5.75	3.30	16.55	Ngữ văn	5.750		Tiếng Anh	1.400		**28.050**	
196	C V 0375	Nguyễn Mạnh	Hùng	15/12/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.7	6.75	7.00	3.70	17.45	Tin học	2.750		Ngữ văn	5.250		**27.950**	
197	V K 1184	Hoàng Thu	Trang	14/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu, IaGrai	8.6	6.50	3.75	3.10	13.35	Ngữ văn	7.250					**27.850**	
198	V B 0319	Nguyễn Cao Ngọc	Hân	10/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.5	7.75	5.00	4.60	17.35	Ngữ văn	5.250		Lịch sử	4.500		**27.850**	
199	H V 0856	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhi	27/05/2009	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Trưng Vương, Pleiku	8.3	6.75	7.25	5.80	19.80	Hóa học	3.125		Ngữ văn	4.000		**27.800**	
200	L V 0044	Lê Nguyễn Minh	Anh	05/08/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.5	7.25	7.00	5.00	19.25	Vật lí	5.125		Ngữ văn	4.250		**27.750**	
201	A V 0067	Đinh Ngọc Quỳnh	Anh	18/08/2009	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.9	7.75	4.75	6.20	18.70	Tiếng Anh	2.600		Ngữ văn	4.500		**27.700**	
202	V K 0689	Khuất Hải	Nam	09/02/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.2	7.00	6.00	2.60	15.60	Ngữ văn	6.000					**27.600**	
203	V K 1323	Văn Đoàn Như	Yên	11/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.6	7.75	3.50	3.30	14.55	Ngữ văn	6.500					**27.550**	
204	A V 0858	Trương Mẫn	Nhi	03/11/2009	Nữ	Kinh	TT. Huế	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.2	7.50	3.75	4.80	16.05	Tiếng Anh	1.800		Ngữ văn	5.750		**27.550**	
205	V A 0947	Trần Bảo	Phương	17/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.2	8.00	2.25	5.20	15.45	Ngữ văn	6.000		Tiếng Anh	2.800		**27.450**	
206	H V 0222	Lê Nguyễn Trúc	Đan	01/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.5	6.25	6.75	4.40	17.40	Hóa học	2.875		Ngữ văn	5.000		**27.400**	
207	V B 0460	Nguyễn Gia Cát	Khánh	15/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.7	7.50	1.25	6.60	15.35	Ngữ văn	6.000		Lịch sử	2.250		**27.350**	
208	V D 0175	Hoàng Phương	Dung	04/11/2009	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Trần Phú, Pleiku	8.5	7.50	4.00	5.30	16.80	Ngữ văn	5.250		Địa lí	2.250		**27.300**	
209	V B 0704	Nguyễn Từ Bảo	Ngân	01/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.5	7.75	3.50	5.50	16.75	Ngữ văn	5.250		Lịch sử	4.000		**27.250**	
210	A V 0287	Trịnh Thu	Hằng	20/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	9.0	5.08	4.25	5.40	14.73	Tiếng Anh	2.000		Ngữ văn	6.250		**27.230**	
211	V K 1077	Trịnh Thu	Thảo	26/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Ia Grai	8.9	8.00	2.50	2.70	13.20	Ngữ văn	7.000					**27.200**	
212	H V 0861	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	09/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.8	6.50	6.25	4.80	17.55	Hóa học	3.000		Ngữ văn	4.750		**27.050**	
213	V C 0066	Lê Quỳnh	Anh	28/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Ia Grai	8.8	6.75	3.25	4.40	14.40	Ngữ văn	6.250		Tin học	2.000		**26.900**	
214	V K 1049	Trần Hương	Thanh	03/08/2009	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Trần Phú, Pleiku	7.8	7.00	3.50	4.90	15.40	Ngữ văn	5.750					**26.900**	
215	B V 0320	Phạm Lê Ngọc	Hân	26/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.7	7.75	4.75	3.90	16.40	Lịch sử	4.500		Ngữ văn	5.250		**26.900**	
216	V K 1221	Trần Nguyên Ánh	Trúc	10/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.2	6.50	3.75	5.00	15.25	Ngữ văn	5.750					**26.750**	
217	A V 0718	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	25/12/2008	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	9.2	6.00	2.25	5.50	13.75	Tiếng Anh	1.100		Ngữ văn	6.500		**26.750**	
218	B V 0977	Đoàn Đại	Quân	11/06/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	7.9	8.25	3.25	2.20	13.70	Lịch sử	3.250		Ngữ văn	6.500		**26.700**	
219	S V 0629	Bùi Bình	Minh	28/07/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	7.4	7.00	5.25	3.20	15.45	Sinh học	1.250		Ngữ văn	5.500		**26.450**	
220	V K 0265	Đặng Võ Hương	Giang	20/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.2	6.75	3.75	3.30	13.80	Ngữ văn	6.250					**26.300**	
221	A V 0464	Phan Thị Kim	Khánh	02/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	8.4	7.50	1.50	3.30	12.30	Tiếng Anh	0.800		Ngữ văn	7.000		**26.300**	
222	A V 0049	Hoàng Ngọc	Anh	06/04/2009	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Trần Phú, Pleiku	8.8	6.00	6.75	4.50	17.25	Tiếng Anh	1.600		Ngữ văn	4.500		**26.250**	
223	V K 1071	Phan Phạm Phương	Thảo	29/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.5	8.50	1.50	3.70	13.70	Ngữ văn	6.250					**26.200**	
224	V B 0711	Nguyễn Thị Kim	Ngân	17/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.7	6.00	6.00	3.20	15.20	Ngữ văn	5.500		Lịch sử	3.000		**26.200**	
225	H V 0913	Nguyễn Quỳnh Tâm	Như	22/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	8.5	7.00	3.00	3.20	13.20	Hóa học	1.250		Ngữ văn	6.500		**26.200**	
226	A V 0473	Trịnh Anh	Khoa	14/10/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.3	6.50	3.75	4.40	14.65	Tiếng Anh	2.700		Ngữ văn	5.750		**26.150**	
227	S V 1307	Nguyễn Thị Hoàng	Vy	04/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.7	7.00	3.75	5.40	16.15	Sinh học	2.125		Ngữ văn	5.000		**26.150**	
228	S V 0027	Nguyễn Thị Hà	Anh	20/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	7.7	6.75	6.00	3.40	16.15	Sinh học	1.250		Ngữ văn	5.000		**26.150**	
229	V B 0075	Trần Thiên	Anh	29/08/2009	Nữ	Kinh	Hà Nội	Thị trấn Phú Hòa, Chư Păh	8.0	6.50	2.00	5.00	13.50	Ngữ văn	6.250		Lịch sử	1.000		**26.000**	
230	V A 0835	Phạm Thành	Nhân	25/10/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Thường Kiệt, Chư Pưh	8.5	7.50	3.50	4.50	15.50	Ngữ văn	5.250		Tiếng Anh	2.100		**26.000**	
231	V K 1320	Lê Nguyễn Tường	Vy	07/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.9	7.25	3.75	4.50	15.50	Ngữ văn	5.250					**26.000**	
232	V K 0091	Hồ Ngọc	Ánh	22/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.5	6.00	4.50	3.80	14.30	Ngữ văn	5.750					**25.800**	
233	C V 0330	Trần Thị Thu	Hiền	19/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, IaGrai	9.1	6.25	7.50	3.50	17.25	Tin học	4.250		Ngữ văn	4.250		**25.750**	
234	V K 1274	Nguyễn Thị Phương	Uyên	19/09/2009	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	Trần Phú, Pleiku	8.8	7.50	2.25	3.90	13.65	Ngữ văn	6.000					**25.650**	
235	D V 0037	Nguyễn Hương	Anh	14/12/2009	Nữ	Kinh	Hà Nội	Bùi Thị Xuân, Pleiku	8.4	8.00	3.75	1.90	13.65	Địa lí	4.000		Ngữ văn	6.000		**25.650**	

236	A V 1178	Chu Thị Hương	Trang	01/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Chí Thanh, IaGrai	9.0	8.00	1.25	4.30	13.55	Tiếng Anh	1.200		Ngữ văn	6.000		**25.550**	
237	V K 0148	Đỗ Quỳnh	Chi	12/08/2009	Nữ	Kinh	Nam Định	Phạm Hồng Thái, IaGrai	8.6	6.50	4.00	3.00	13.50	Ngữ văn	6.000					**25.500**	
238	V H 1167	Lê Văn Nhất	Tiến	06/03/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.9	7.25	3.25	4.50	15.00	Ngữ văn	5.250		Hóa học	3.000		**25.500**	
239	V D 0862	Trần Lê Phương	Nhi	01/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.9	7.75	5.25	3.00	16.00	Ngữ văn	4.750		Địa lí	4.000		**25.500**	
240	S V 0612	Đặng Khánh	Ly	31/08/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Lê Văn Tám, Pleiku	8.7	8.25	4.25	4.40	16.90	Sinh học	3.125		Ngữ văn	4.250		**25.400**	
241	H V 1040	Lương Trần Thanh	Tâm	20/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	8.5	7.75	3.75	2.70	14.20	Hóa học	1.375		Ngữ văn	5.580		**25.360**	
242	V K 0569	Võ Nguyễn Lam	Linh	15/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.9	7.25	3.75	2.30	13.30	Ngữ văn	6.000					**25.300**	
243	D V 0541	Nguyễn Thị Đan	Lê	28/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.6	7.50	5.50	3.70	16.70	Địa lí	5.500		Ngữ văn	4.250		**25.200**	
244	V A 0312	Thái Gia	Hân	03/01/2009	Nữ	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Du, Pleiku	8.1	7.25	2.00	2.80	12.05	Ngữ văn	6.500		Tiếng Anh	1.100		**25.050**	
245	V K 0579	Tạ Phương	Linh	28/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	8.2	7.00	4.00	3.50	14.50	Ngữ văn	5.250					**25.000**	
246	D V 0284	Lưu Thanh	Hằng	17/07/2009	Nữ	Kinh	Hà Nội	Trần Phú, Pleiku	8.6	7.00	4.50	1.80	13.30	Địa lí	5.750		Ngữ văn	5.750		**24.800**	
247	H V 0123	Trần Nguyễn Phúc	Bi	30/05/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	8.5	5.75	4.25	3.30	13.30	Hóa học	2.125		Ngữ văn	5.750		**24.800**	
248	V B 1141	Nguyễn Minh	Thư	25/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.4	7.75	3.25	3.00	14.00	Ngữ văn	5.250		Lịch sử	2.750		**24.500**	
249	A V 0050	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	09/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	8.6	6.50	5.00	4.10	15.60	Tiếng Anh	2.300		Ngữ văn	4.410		**24.420**	
250	V H 0773	Lê Hồng	Ngọc	13/07/2009	Nữ	Kinh	Kon Tum	Trần Phú, Pleiku	8.8	6.50	3.50	2.30	12.30	Ngữ văn	6.000		Hóa học	0.750		**24.300**	
251	V D 1054	Nguyễn Phan Yến	Thanh	29/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.6	7.25	3.50	2.70	13.45	Ngữ văn	5.410		Địa lí	1.750		**24.270**	
252	B V 0309	Huỳnh Nguyễn Gia	Hân	28/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.5	6.67	5.50	3.10	15.27	Lịch sử	4.250		Ngữ văn	4.500		**24.270**	
253	A V 0537	Mai Nguyễn Tùng	Lâm	14/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	9.1	8.50	7.25	8.30	24.05	Tiếng Anh	4.400		Ngữ văn	0.000		**24.050**	
254	B V 0732	Lê Trần Hạ	Nghi	01/01/2009	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Trưng Vương, Pleiku	8.2	7.25	2.50	2.30	12.05	Lịch sử	1.750		Ngữ văn	6.000		**24.050**	
255	C V 0168	Nguyễn Ngọc	Diễm	10/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Chu Trinh, Đăk Đoa	9.2	6.25	4.25	2.50	13.00	Tin học	2.000		Ngữ văn	5.500		**24.000**	
256	H V 0878	Phan Trần Uyên	Nhi	06/02/2009	Nữ	Kinh	Kon Tum	APC Gia Lai	8.3	7.50	3.50	3.00	14.00	Hóa học	1.250		Ngữ văn	5.000		**24.000**	
257	V B 1284	Nguyễn Ngô Hà	Vân	14/08/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	8.3	7.75	2.75	2.90	13.40	Ngữ văn	5.250		Lịch sử	0.000		**23.900**	
258	V B 1309	Phạm Nguyễn Khánh Vy		13/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.3	6.75	4.75	3.30	14.80	Ngữ văn	4.500		Lịch sử	1.250		**23.800**	
259	S V 0326	Hồ Quốc	Hân	09/07/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.1	7.75	5.25	4.80	17.80	Sinh học	1.750		Ngữ văn	3.000		**23.800**	
260	V A 0316	Nguyễn Hoàng	Hân	15/10/2009	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.3	6.25	4.75	3.20	14.20	Ngữ văn	4.750		Tiếng Anh	1.600		**23.700**	
261	A V 0283	Huỳnh Thanh	Hằng	22/06/2009	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Chí Thanh, Chư Prông	8.4	8.25	2.50	3.40	14.15	Tiếng Anh	2.400		Ngữ văn	4.750		**23.650**	
262	B V 1134	Hàn Thị Anh	Thư	18/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.5	6.00	6.25	2.70	14.95	Lịch sử	4.000		Ngữ văn	4.250		**23.450**	
263	A V 1142	Nguyễn Minh	Thư	15/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	7.6	6.75	3.00	5.20	14.95	Tiếng Anh	2.800		Ngữ văn	4.250		**23.450**	
264	V K 1025	Đào Lê Ánh	Sương	11/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	8.2	5.50	6.50	3.40	15.40	Ngữ văn	4.000					**23.400**	
265	V B 0875	Nguyễn Ngọc Trang	Nhi	30/04/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.2	5.50	3.75	4.10	13.35	Ngữ văn	5.000		Lịch sử	1.750		**23.350**	
266	V D 1007	Lê Ngô Gia	Quỳnh	01/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	7.6	8.00	2.50	1.80	12.30	Ngữ văn	5.500		Địa lí	4.500		**23.300**	
267	L V 0218	Phan Huỳnh Linh	Đan	10/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.5	6.50	4.25	4.00	14.75	Vật lí	5.875		Ngữ văn	4.250		**23.250**	
268	V K 1088	Châu Nguyễn Ngọc	Thiện	12/06/2009	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	9.1	6.75	3.00	2.50	12.25	Ngữ văn	5.250					**22.750**	
269	S V 1053	Phạm Phùng Vân	Thanh	20/10/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Quang Trung, Kông Chro	7.6	6.75	4.25	3.20	14.20	Sinh học	2.625		Ngữ văn	4.250		**22.700**	
270	B V 0302	La Gia	Hân	23/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	8.1	7.50	4.00	4.40	15.90	Lịch sử	3.250		Ngữ văn	3.250		**22.400**	
271	V K 1151	Đào Thị Hoài	Thương	10/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, IaGrai	7.1	6.00	3.75	2.80	12.55	Ngữ văn	4.750					**22.050**	
272	V K 0300	Dương Gia	Hân	05/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.7	6.75	2.25	4.00	13.00	Ngữ văn	4.500					**22.000**	
273	V H 0071	Dương Thị Quỳnh	Anh	29/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	9.2	8.00	1.00	1.80	10.80	Ngữ văn	5.500		Hóa học	1.625		**21.800**	
274	V B 1160	Trần Thị Bảo	Thy	15/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	8.4	4.25	2.75	4.30	11.30	Ngữ văn	5.250		Lịch sử	0.500		**21.800**	
275	B V 0159	Trương Quốc	Cường	24/02/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	9.0	6.25	4.25	3.20	13.70	Lịch sử	1.500		Ngữ văn	4.000		**21.700**	
276	B V 1017	Lê Vi	Sa	30/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	7.8	6.75	4.25	3.50	14.50	Lịch sử	4.250		Ngữ văn	3.500		**21.500**	

277	A	V 0130	Võ Nguyên	Chấn	05/12/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.3	6.75	4.75	7.00	18.50	Tiếng Anh	3.700		Ngữ văn	1.500		**21.500**	
278	A	V 0813	Nguyễn Đường Thảo	Nguyên	14/11/2009	Nữ	Kinh	Nghệ An	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	7.7	7.00	1.25	3.70	11.95	Tiếng Anh	2.700		Ngữ văn	4.750		**21.450**	
279	A	V 0702	Nguyễn Lâm Bảo	Ngân	07/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	9.0	4.00	6.50	7.40	17.90	Tiếng Anh	2.800		Ngữ văn	1.750		**21.400**	
280	B	V 0053	Trần Nguyễn Nhật	Anh	11/05/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	8.0	5.75	4.25	3.40	13.40	Lịch sử	2.000		Ngữ văn	4.000		**21.400**	
281	C	V 0929	Đỗ Tấn	Phong	09/08/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.8	6.50	6.50	2.60	15.60	Tin học	4.250		Ngữ văn	2.750		**21.100**	
282	V	B 0348	Hoàng Thị Anh	Hoa	14/01/2009	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	8.3	4.75	4.25	3.70	12.70	Ngữ văn	4.000		Lịch sử	0.500		**20.700**	
283	S	V 1065	Nguyễn Hồng Nguyên	Thảo	18/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Đăk Đoa	7.5	6.66	1.00	2.10	9.76	Sinh học	0.875		Ngữ văn	5.250		**20.260**	
284	V	K 0585	Nguyễn Tuệ	Linh	01/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	7.5	6.50	5.25	3.10	14.85	Ngữ văn	2.500					**19.850**	
285	V	D 0990	Lê Minh	Quốc	04/01/2009	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Huệ, Pleiku	7.5	7.25	1.75	1.80	10.80	Ngữ văn	4.500		Địa lí	2.000		**19.800**	
286	B	V 0210	Đỗ Huỳnh Thùy	Dương	06/04/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Đăk Đoa	8.0	5.75	2.25	2.30	10.30	Lịch sử	3.250		Ngữ văn	4.750		**19.800**	
287	L	V 0290	Võ Huyền Bảo	Hân	26/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phú Hòa, Chư Păh	8.1	5.00	3.00	3.30	11.30	Vật lí	1.125		Ngữ văn	4.250		**19.800**	
288	B	V 1314	Cáp Hải Quỳnh	Vy	14/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	7.9	6.50	4.25	1.90	12.65	Lịch sử	0.750		Ngữ văn	3.500		**19.650**	
289	V	K 0313	Trần Gia	Hân	06/02/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.2	6.75	2.00	2.60	11.35	Ngữ văn	4.000					**19.350**	
290	V	K 0910	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	21/12/2008	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.5	6.50	4.50	1.70	12.70	Ngữ văn	3.000					**18.700**	
291	A	V 0965	Lê Minh	Quang	02/10/2009	Nam	Kinh	Bình Định	Lý Thường Kiệt, Đăk Đoa	7.8	7.00	0.00	1.50	8.50	Tiếng Anh	1.100		Ngữ văn	5.000		**18.500**	
292	V	K 0674	Nguyễn Ngọc Trà	My	26/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	8.2	4.75	1.25	1.40	7.40	Ngữ văn	5.500					**18.400**	
293	V	H 0881	Lưu Hoàng Yến	Nhi	25/06/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	8.4	5.25	2.25	2.90	10.40	Ngữ văn	3.750		Hóa học	0.000		**17.900**	
294	V	K 0766	Nguyễn Phương Bảo	Ngọc	18/05/2009	Nữ	Kinh	Bình Định	Chu Văn An, Mang Yang	7.5	6.00	0.00	4.00	10.00	Ngữ văn	3.750					**17.500**	
295	V	B 0061	Nguyễn Phan Quốc	Anh	23/07/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.3	6.00	1.00	2.90	9.90	Ngữ văn	3.750		Lịch sử	1.500		**17.400**	
296	V	K 0724	Nguyễn Thùy	Ngân	20/07/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.3	6.50	1.50	2.40	10.40	Ngữ văn	3.500					**17.400**	
297	V	K 0530	Nguyễn Bình	Lâm	03/10/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	7.4	6.25	1.25	4.20	11.70	Ngữ văn	2.750					**17.200**	
298	V	K 1122	Phạm Ngọc Anh	Thư	21/03/2009	Nữ	Kinh	Nam Định	Tôn Đức Thắng, Pleiku	7.0	7.00	1.00	1.50	9.50	Ngữ văn	3.750		Địa lí	1.000		**17.000**	
299	D	V 0886	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	8.0	5.25	4.25	3.10	12.60	Địa lí	4.500		Ngữ văn	2.000		**16.600**	
300	V	K 0845	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	04/01/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.6	6.75	1.75	1.30	9.80	Ngữ văn	3.250					**16.300**	
301	A	V 1293	Huỳnh Diệp Bảo	Vinh	31/12/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, IaGrai	8.3	4.25	0.75	5.40	10.40	Tiếng Anh	2.500		Ngữ văn	2.750		**15.900**	
302	S	V 0484	Võ Minh	Khoa	02/10/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	7.9	7.00	4.00	4.00	15.00	Sinh học	3.000		Ngữ văn	0.000		**15.000**	
303	A	V 0079	Phan Ngô Trâm	Anh	01/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	8.5	2.00	0.00	7.90	9.90	Tiếng Anh	3.800		Ngữ văn	0.000		**9.900**	
304	B	V 0212	Đặng Nguyễn Thùy	Dương	26/10/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Quyền, Chư Prông	7.8	5.50	1.50	2.80	9.80	Lịch sử	0.000		Ngữ văn	0.000		**9.800**	
305	V	D 1192	Dương Ngọc Huyền	Trâm	17/09/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	7.6	v	v	v	0.00	Ngữ văn	0.000		Địa lí	0.000		**0.000**	

Gia Lai, ngày 16 tháng 6 năm 2024

Thư kí

TRƯƠNG QUANG HÀ